

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 327/2018/TL-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Lam S, sinh năm 1982 ; Trú tại phòng 313 –A3Vicoland, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng

Bà Lê Thị Thúy Ng, sinh năm 1978; Địa chỉ: 55 Phan B, phường T, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng. (Các bên có mặt).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Lam S và bà Lê Thị Thúy Ng có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND phường T, quận H, Tp Đà Nẵng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống giữa ông S và bà Ng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã được hai năm và ly thân được 01 năm nên ông S và bà Ng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải theo hướng đoàn tụ, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông S và bà Ng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn của ông S và bà Ng là

tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình để công nhận thuận tình ly hôn cho ông S và bà Ng.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Trần Lam S và bà Lê Thị Thúy Ng xác nhận có hai con chung tên là Trần Nguyên Kh, sinh ngày 06 tháng 07 năm 2007 và Trần Lam Hải Y, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2014. Ông S và bà Ng thỏa thuận: Giao 02 con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, ông S cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Lam S và bà Lê Thị Thúy Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Trần Lam S và bà Lê Thị Thúy Ng thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về quan hệ con chung:** Ông Trần Lam S và bà Lê Thị Thúy Ng xác nhận có hai con chung tên là Trần Nguyên K, sinh ngày 06 tháng 07 năm 2007 và Trần Lam Hải Y, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2014. Ông S và bà Ng thỏa thuận: Giao 02 con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, ông S cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị Thúy Ng có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần Lam S chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Trần Lam S phải trả lãi đối với số tiền chậm trả với lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình : 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Trần Lam S và bà Lê Thị Thúy Ng phải chịu nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí HN&GD ông S, bà Ng đã nộp theo biên lai thu số 0006614 ngày 17/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng. (Ông S và bà Ng đã nộp đủ).

3. Trong trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND Thạch Thang;
- THADS q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Hoàng

